

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2685 /GPMT-UBND

Nghệ An, ngày 19 tháng 6 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản số 073/CV-MDDC-26 ngày 09/6/2026 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Medic Diễn Châu về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Bệnh viện đa khoa Medic Diễn Châu tại xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 7364/SNNMT-BVMT ngày 15/6/2026 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với Dự án Bệnh viện đa khoa Medic Diễn Châu tại xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bệnh viện Medic Diễn Châu, địa chỉ tại Khối Bắc, xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Bệnh viện đa khoa Medic Diễn Châu tại xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An với các nội dung như sau: 

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Bệnh viện đa khoa Medic Diễn Châu tại xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An.

1.2. Địa điểm dự án: Khối Bắc, xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2901820675 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 24/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/02/2026.

1.4. Mã số thuế: 2901820675.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Khám chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích dự án: 2.788,3 m².

- Dự án có tiêu chí tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí môi trường như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Quy mô, công suất:

Dự án có quy mô 99 giường bệnh nội trú. Cụ thể:

Ký hiệu	Hạng mục công trình	Số tầng	DTXD (m ²)	Ghi chú
(1)	Cổng chính	-	-	-
(2)	Nhà bảo vệ	01	20,46	XD mới
(3)	Nhà chính khám chữa bệnh	12	750	XD mới
(4)	Trạm biến áp (Trạm treo)	01	-	Đã XD
(5)	Nhà xử lý nước thải	01	16	XD mới
(6)	Bể xử lý nước thải (xây ngầm)	01	-	XD mới
(7)	Nhà xử lý rác thải	01	15	XD mới
(8)	Trạm bơm	01	16	XD mới
(9)	Bể nước PCCC (xây ngầm)	-	-	XD mới
(10)	Khu nhà điều trị	05	295,38	Đã XD
(11)	Sân đường nội bộ	-	-	-
(12)	Cổng phụ	-	-	-

Các công trình, hạng mục theo Công văn số 768/UBND-KT ngày 10/11/2025 của UBND xã Đức Châu về việc chấp thuận Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (Tổng mặt bằng) Bệnh viện đa khoa Medic Diễn Châu tại xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bệnh viện Medic Diễn Châu

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bệnh viện Medic Diễn Châu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc đầu nổi nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường này.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Đức Châu và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- PCT UBND tỉnh (Nguyễn Văn Đệ);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Đức Châu;
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Medic Diên Châu;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NN (TP, Th).



Nguyễn Văn Đệ

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số 2685/GPMT-UBND

ngày 19 / 6 /2026 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ thiết bị vệ sinh (chậu xí, tiểu treo...) từ tòa nhà chính khám chữa bệnh cao 12 tầng được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó theo đường ống dẫn D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải từ thiết bị vệ sinh (chậu xí, tiểu treo...) từ tòa nhà điều trị cao 5 tầng được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó theo đường ống dẫn D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 03: Nước thải từ nấu ăn từ tòa nhà chính khám chữa bệnh cao 12 tầng được thu gom, xử lý sơ bộ qua song chắn rác và thiết bị tách dầu mỡ, sau đó theo đường ống dẫn D200 thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 04: Nước thải từ khu vực khám chữa bệnh, giặt là,...từ tòa nhà chính khám chữa bệnh cao 12 tầng sau đó theo đường ống dẫn D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 05: Nước thải từ khu vực khám chữa bệnh, giặt là...từ tòa nhà điều trị cao 5 tầng sau đó theo đường ống dẫn D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình rửa chân tay, lau sàn... từ tòa nhà chính khám chữa bệnh cao 12 tầng được thu gom qua song chắn rác, sau đó theo đường ống dẫn D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình rửa chân tay, lau sàn... từ tòa nhà điều trị cao 5 tầng được thu gom qua song chắn rác, sau đó theo đường ống dẫn D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Vách Bắc đoạn chảy qua địa phận xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Khối Bắc, xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An

+ Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X = 2108726$ (m); $Y = 587437$ (m).

- Vị trí xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát nguồn thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng nước thải lớn nhất: 45 m³/ngày đêm, tương đương 1,875 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động liên tục
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 60		
3	COD	mg/l	≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	≤ 80		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 8		
6	Tổng N	mg/l	≤ 40		
7	Tổng P	mg/l	≤ 6		
8	Clo dư	mg/l	≤ 2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30		
10	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5		
11	Tổng coliforms	MPN hoặc CFU/100ml	≤ 5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ thiết bị vệ sinh (chậu xí, tiểu treo...) từ tòa nhà chính khám chữa bệnh cao 12 tầng được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó theo đường ống dẫn D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải từ thiết bị vệ sinh (chậu xí, tiểu treo...) từ tòa nhà điều trị cao 5 tầng được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó theo đường ống dẫn D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 03: Nước thải từ nấu ăn từ tòa nhà chính khám chữa bệnh cao 12 tầng được thu gom, xử lý sơ bộ qua song chắn rác và thiết bị tách dầu mỡ, sau đó theo đường ống dẫn D200 thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 04: Nước thải từ khu vực khám chữa bệnh, giặt là... từ tòa nhà chính khám chữa bệnh cao 12 tầng sau đó theo đường ống dẫn D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 05: Nước thải từ khu vực khám chữa bệnh, giặt là... từ tòa nhà điều trị cao 5 tầng sau đó theo đường ống dẫn D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình rửa chân tay, lau sàn... từ tòa nhà chính khám chữa bệnh cao 12 tầng được thu gom qua song chắn rác, sau đó theo đường ống dẫn D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình rửa chân tay, lau sàn... từ tòa nhà điều trị cao 5 tầng được thu gom qua song chắn rác, sau đó theo đường ống dẫn D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn

- Số lượng, vị trí: gồm 02 bể, xây bên cạnh 2 tòa nhà cao 5 tầng và tòa nhà cao 12 tầng, bể tự hoại bằng bê tông cốt thép, bể tự hoại số 01 có dung tích khoảng 14 m^3 , bể tự hoại số 02 có dung tích 138 m^3 .

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải từ nhà vệ sinh (bệ xí, bệ tiểu) → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất sử dụng: không.

1.2.2. Thiết bị tách dầu mỡ

- Số lượng, vị trí: gồm 01 thiết bị tách dầu mỡ bằng inox, bố trí tại khu vực nấu ăn của tòa nhà cao 12 tầng. Cấu tạo gồm 3 ngăn, trong đó 1 ngăn lọc rác, 1 ngăn lọc mỡ, 1 ngăn nước xả.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải từ quá trình nấu ăn → thiết bị tách dầu mỡ → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải (đã được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, thiết bị tách dầu mỡ) → Bể điều hòa → Bể yếm khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí + MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ gas kiểm soát → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025 (cột B) trước khi thoát ra mương tiêu

thoát phía đông dự án (mương Sông Trại) cách dự án khoảng 14 m bằng đường ống PVC Ø200 rồi dẫn về nguồn tiếp nhận kênh Vách Bắc cách dự án khoảng 600m về phía Nam.

- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine (hoặc các hóa chất, vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.6 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống thu gom, xử lý nước thải nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các bất thường hoặc sự cố phát sinh; bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt yêu cầu trước khi xả ra nguồn tiếp nhận và không để nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt quy định xả ra môi trường.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp hoặc đơn vị chuyên gia công nghệ; thực hiện ghi chép, lưu giữ đầy đủ nhật ký vận hành, hồ sơ quản lý, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống theo quy định.

- Bố trí nhân sự có chuyên môn phù hợp để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải; tổ chức tập huấn, hướng dẫn định kỳ về quy trình vận hành, an toàn lao động, an toàn hóa chất và ứng phó sự cố môi trường cho người trực tiếp vận hành.

- Trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị, vật tư và phụ tùng dự phòng cần thiết như máy bơm, đường ống, thiết bị điện, thiết bị điều khiển và các vật tư khác để kịp thời thay thế, sửa chữa khi xảy ra sự cố.

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hoặc thay thế kịp thời các thiết bị, công trình của hệ thống xử lý nước thải theo khuyến cáo của nhà sản xuất và yêu cầu kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra tình trạng rò rỉ, nứt vỡ, tắc nghẽn của các tuyến ống, bể chứa và các công trình phụ trợ.

- Trường hợp xảy ra sự cố làm hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động hoặc giảm hiệu quả xử lý, phải khẩn trương triển khai các biện pháp khắc phục để đưa hệ thống trở lại hoạt động bình thường trong thời gian sớm nhất; đồng thời thực hiện lưu chứa tạm thời nước thải trong các công trình, bể chứa dự phòng của hệ thống. Trường hợp khả năng lưu chứa không đáp ứng, chủ dự án phải thuê bồn chứa hoặc chuyên gia nước thải cho đơn vị có chức năng phù hợp để thu gom, xử lý theo quy định; tuyệt đối không xả nước thải chưa đạt yêu cầu ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi

trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với mọi sự cố gây ô nhiễm môi trường phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm (dự kiến): bắt đầu từ tháng 7/2027 đến hết tháng 12/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: 01 vị trí tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 vị trí tại hồ ga kiểm soát sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Bệnh viện Medic Diễn Châu phải giám sát các chất ô nhiễm đối với nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm, đảm bảo đáp ứng giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT): phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm theo quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

3.2. Bố trí đầy đủ nhân lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải; duy trì hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo quy định

3.3. Thực hiện ghi chép, lưu giữ đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức; thực hiện các nội dung vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.4. Thực hiện quan trắc, tổng hợp, đánh giá kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải và lập báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định trước khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty Cổ phần Bệnh viện Medic Diên Châu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thu gom, xử lý và xả nước thải ra nguồn tiếp nhận; trường hợp nước thải sau xử lý không đáp ứng quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này thì phải dừng xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý theo quy định.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(kèm theo Giấy phép môi trường số 2685/GPMT-UBND
ngày 14 / 6/2026 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Đối với khu vực bếp ăn, căng tin: Trang bị hệ thống hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường; sử dụng nhiên liệu sạch (khí hóa lỏng, điện) nhằm giảm phát sinh khí thải và mùi.

- Đối với khu khám chữa bệnh, phòng chức năng và hệ thống xử lý nước thải: Bố trí hệ thống điều hòa, thông gió phù hợp; sử dụng chế phẩm vi sinh để hạn chế mùi; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, hồ ga và các công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải; khu vực lưu giữ chất thải được vệ sinh, phun khử mùi định kỳ và chất thải được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với bụi, khí thải từ hoạt động giao thông nội bộ: Lắp đặt biển báo hạn chế tốc độ phương tiện; thường xuyên vệ sinh sân, đường nội bộ; trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên để giảm bụi và cải thiện vi khí hậu; tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

- Đối với máy phát điện dự phòng: Sử dụng nhiên liệu đáp ứng quy chuẩn chất lượng theo quy định; bố trí máy phát điện tại khu vực riêng biệt, lắp đặt thiết bị chống rung nhằm giảm thiểu khí thải, tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình vận hành.

- Đối với phòng chụp X-quang: Thiết kế, xây dựng và vận hành theo các quy định, tiêu chuẩn về an toàn bức xạ hiện hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thực hiện đầy đủ công trình, biện pháp thu gom xử lý khí thải, giảm thiểu mùi theo đúng quy định.

3.2. Công ty Cổ phần Bệnh viện Medic Diễn Châu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải, gây mùi không đảm bảo các yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả khí thải, gây mùi để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(kèm theo Giấy phép môi trường số 2685/GPMT-UBND
ngày 19 / 6 /2026 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng của dự án (nguồn không thường xuyên).
- Nguồn số 02: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ nguồn số 01: X = 2108691 (m); Y = 587437(m) (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 03°).
- Tọa độ nguồn số 02: X = 2108696 (m); Y = 587440 (m) (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 03°).

3. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể:

TT	Ngày Từ 6h00 đến trước 18h00 (dBA)	Tối Từ 18h00 đến trước 22h00 (dBA)	Đêm Từ 22h00 đến trước 6h00 (dBA)	Tần suất quan trắc định kì	Ghi chú
1	50	45	40	-	Khu vực A

3.2. Độ rung

Áp dụng QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

TT	Ngày Từ 6h00 đến trước 22h00 (dB)	Đêm Từ 22h00 đến trước 6h00 (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	60	55	-	Khu vực A

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê đệm chân đế máy để hạn chế độ rung, lắp phòng để máy phát điện cách âm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung;

- Công ty Cổ phần Bệnh viện Medic Diễn Châu chịu hoàn toàn trách nhiệm khi phát sinh tiếng ồn, độ rung không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(kèm theo Giấy phép môi trường số 2685 /GPMT-UBND
ngày 19 / 6 /2026 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng
I	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	NH	8050 kg/năm
	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	NH	5.000
	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	NH	2.000
	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	13 01 01	NH	1.000
	Chất thải giải phẫu	13 01 01	NH	50
II	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			5 kg/năm
1.	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng	13 01 02	KS	2
2.	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	NH	0,5
3.	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	13 01 04	NH	0,5
4.	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi	13 03 02	NH	1
5.	Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng	13 01 02	KS	1
III	Chất thải nguy hại khác			34 kg/năm
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	NH	30
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	2
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả	18 02 01	KS	2

	vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại			
--	---	--	--	--

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/tháng)
1.	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh, học viên, khách đến làm việc và các chất thải ngoại cảnh trong cơ sở y tế	13,5
2.	Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại	0,3
3.	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	0,5
4.	Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực	0,03
5.	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại	0,04
6.	Chất thải rắn thông thường khác	0,05
7.	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	0,3
8.	Bùn thải từ bể tự hoại	2
Tổng		16,72

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng chuyên dụng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại được để tại kho lưu chứa chất thải nguy hại, thu gom phân loại theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải: 01 kho

- Diện tích: 5m².

- Thiết kế, cấu tạo: kho kín, có cửa khóa, nền chống thấm; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định; trang bị dụng cụ, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dán nhãn trong khuôn viên sân đường nội bộ và khu vực các tầng của các tòa khám chữa bệnh để phân loại theo đúng quy định tại Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Nghệ An và Quyết định số 22/2026/QĐ-UBND ngày 13/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An.

- Chất thải rắn thông thường còn lại (ngoài chất thải rắn sinh hoạt): đối với chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế thì đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu xanh, chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng khuẩn. Đối với chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế thì đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu trắng.

- Đối với bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu trữ tại bể chứa bùn, định kì thuê đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển xử lý đúng quy định.

- Đối với bùn phát sinh từ bể tự hoại, định kì khoảng 01 năm/lần thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn từ bể tự hoại và vận chuyển, xử lý đúng quy định.

2.2.2. Kho/khu lưu chứa

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ 01 kho với diện tích 5 m²

+ Thiết kế, cấu tạo: kho kín, có cửa khóa, có mái che, tường bao bằng gạch.

- Chất thải rắn thông thường còn lại (ngoài chất thải rắn sinh hoạt):

+ 01 kho với diện tích 5 m²

+ Thiết kế, cấu tạo: kho kín, có cửa khóa, có mái che, tường bao bằng gạch.

2.3. Yêu cầu chung đối với hệ thống, công trình lưu giữ, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường:

- Các hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư 09/2026/TT-BNNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của chính quyền địa phương và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này và công bố kế hoạch theo quy định.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(kèm theo Giấy phép môi trường số 2685 /GPMT-UBND
ngày 15 / 6 /2026 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tổ chức thực hiện dự án và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tuân thủ đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường được cấp.

2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; kịp thời khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu mọi trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với các sự cố môi trường do hoạt động của cơ sở gây ra. Trường hợp gây hư hỏng, ảnh hưởng đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản của tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực dự án thì phải thực hiện sửa chữa, khôi phục hoặc bồi thường theo quy định.

3. Quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định hiện hành. Đối với chất thải y tế, thực hiện quản lý theo quy định của Bộ Y tế và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình hoạt động.

5. Thực hiện chế độ quan trắc, giám sát môi trường (nếu thuộc đối tượng phải thực hiện); báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường được viện dẫn trong Giấy phép môi trường này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản mới./